TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 780/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 06/5/2026.
V/v: "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Phúc**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. **Lê Thị Hạnh Sơn**

2. **Đặng Văn Ẩn**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông **Phan Trọng Tường** - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà **Đỗ Thị Thu Hằng** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành Phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 505/2025/HNST ngày 21 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 837/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1352/2026/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thanh D**, sinh năm: 1986. CCCD: 095186000246. Địa chỉ: Phường CH, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông **Lê Ngọc T**, sinh năm: 1985. CCCD: 079085010376. Địa chỉ: Phường CH, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa nguyên đơn bà Huỳnh Thanh D trình bày: Bà D và ông Lê Ngọc T chung sống và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 61 tại Ủy ban nhân dân Phường 02, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường Chánh Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 27/3/2012. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó vợ, chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp thường xuyên xảy ra cãi vã. Mặc dù cố hàn gắn gia đình nhưng không thể, cuộc sống hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng. Vì vậy bà D yêu cầu được ly hôn với ông Lê Ngọc T.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà D tự khai không có.

Bị đơn ông Lê Ngọc T trình bày**:** Về quan hệ hôn nhân ông T và bà D chung sống và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 61 tại Ủy ban nhân dân Phường 02, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường Chánh Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 27/3/2012. Từ khi kết hôn đến nay vợ chồng vẫn sống hạnh phúc, nay trong lúc nóng giận, bà D yêu cầu ly hôn thì ông T không đồng ý ly hôn vì còn thương gia đình.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T tự khai không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán. Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm. Riêng bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2025). Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xét nguyên đơn bà Huỳnh Thanh D có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2025). Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Huỳnh Thanh D là đúng quy định pháp luật.

[2] Về thẩm quyền giải quyết:

Xét bị đơn ông Lê Ngọc T hiện đang đang cư trú tại: Phường CH, Thành phố Hồ Chí Minh, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2025), vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về các yêu cầu và trách nhiệm của đương sự:

[3.1] Xét bà Huỳnh Thanh D và ông Lê Ngọc T chung sống vợ, chồng và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 61 tại Ủy ban nhân dân Phường 02, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường Chánh Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 27/3/2012, đây là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu của bà Huỳnh Thanh D ly hôn với ông Lê Ngọc T, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó vợ, chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp thường xuyên xảy ra cãi vã. Mặc dù cố hàn gắn gia đình nhưng không thể, cuộc sống hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng, để ổn định cuộc sống, thì lời trình bày của bà Huỳnh Thanh D có căn cứ chấp nhận phù hợp quy định tại các Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Xét ý kiến ông Lê Ngọc T trình bày: ông T và bà D chung sống và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 61 tại Ủy ban nhân dân Phường 02, Quận 8, Thành

phố Hồ Chí Minh (nay là phường Chánh Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 27/3/2012. Từ khi kết hôn đến nay vợ, chồng vẫn sống hạnh phúc, nay trong lúc nóng giận, bà D yêu cầu ly hôn thì ông T không đồng ý ly hôn vì còn thương gia đình nhưng không đưa ra được chứng cứ gì thể hiện việc hàn gắn gia đình và phía nguyên đơn bà D vẫn cương quyết ly hôn nên lời trình bày này không có căn cứ chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Hai bên tự khai không có nên không xét.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên tự khai không có nên không xét.

[3.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn bà Huỳnh Thanh D phải chịu. Bị đơn ông Lê Ngọc T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2025);

- Căn cứ vào Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2009 (đã sửa đổi bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Vắng mặt đối với bà Huỳnh Thanh D.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Huỳnh Thanh D.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thanh D được ly hôn với ông Lê Ngọc T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 61 tại Ủy ban nhân dân Phường 02, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường Chánh Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 27/3/2012 không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên tự khai không có.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Huỳnh Thanh D phải chịu là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/25E số 0000994 ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Huỳnh Thanh D đã nộp đủ án phí.

T hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi bổ sung năm 2014),.

Về quyền kháng cáo: đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án, riệng đượng sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày

kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Khu vực 10, TP. Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân phường Chánh Hưng, TP. Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Phúc